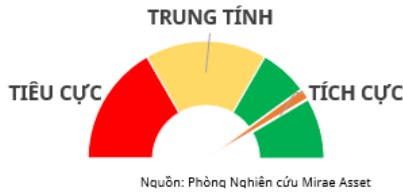


16 Tháng 01, 2023

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



# Bản tin cuối ngày

## Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: [cs@miraeasset.com.vn](mailto:cs@miraeasset.com.vn)

### Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	1,066.68	0.6	1.3	-28.7
HNX	210.88	-0.2	-1.0	-54.8
UPCOM	72.22	0.2	0.0	-35.6
MSCI EM	1,029.84	1.1	7.6	-18.1
NIKKEI	25,822.32	-1.1	-6.2	-8.2
HANG SENG	21,746.72	0.0	11.8	-10.8
KOSPI	2,399.86	0.6	1.7	-17.9
FTSE	7,856.09	0.2	7.1	4.2
S&P 500	3,999.09	0.4	3.8	-14.2
NASDAQ	11,079.16	0.7	3.5	-25.6

### Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Việt Nam	11.2	1.7	15.4
Indonesia	13.1	1.9	12.5
Philippines	16.4	1.7	11.0
Malaysia	15.7	1.4	9.1
Thái Lan	15.5	1.7	10.4

### Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Tái cấp vốn	6.0	0	0	200
TPCP 5 năm	4.5	0	-31	356
TPCP 10 năm	4.6	-1	-32	249

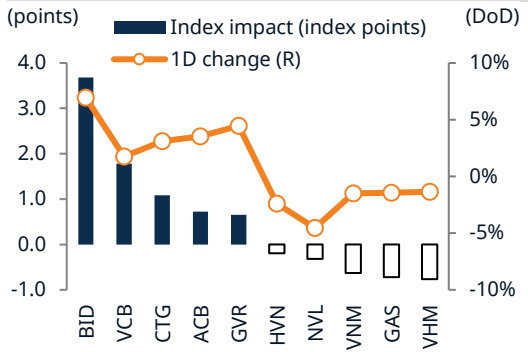
### Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,440	0.0	-0.7	3.2
US\$/KRW	1,235.7	-0.5	-5.5	3.8
US\$/JPY	128.4	0.4	-6.0	12.0
US\$/EUR	0.92	0.1	-2.2	5.4
US\$/GBP	0.82	0.2	-0.4	11.8
US\$/SGD	1.32	0.1	-2.8	-2.1

### Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 6 tháng
VN-INDEX	332	369	473
HNX	34	37	51
UPCOM	15	14	22

### Các cổ phiếu tác động VN-Index



### Nhận định thị trường

#### VN30 nâng đỡ thị trường

Thị trường tiếp tục duy trì nhịp tăng sang phiên thứ 4 liên tiếp, mặc dù thanh khoản vẫn duy trì ở mức thấp. Đáng chú ý, nhịp tăng của nhóm VN30 chính là nhân tố chính giúp VN-Index tăng hơn 6 điểm, chốt phiên ở 1.067 điểm. Tổng khối lượng giao dịch giảm 22,3 % so với phiên trước, đạt hơn 520 triệu đơn vị, tương ứng với hơn 9.372 tỷ đồng về giá trị.

Đà tăng tập trung chính ở nhóm vốn hóa vừa và lớn như nhóm thép (HPG, HSG, NKG), đầu tư công (VCG, LCG, FCN), ngân hàng (BID, EIB, ACB, CTG), chứng khoán (HCM, VCI, MBS, SSI).

BID tạo sự chú ý khi bất ngờ chốt phiên tăng trần, đóng cửa ở 44.700 đ/cp, với gần 5 triệu cổ phiếu được chuyển nhượng.

Khối ngoại sau phiên bán ròng cuối tuần trước đã chuyển sang trạng thái mua ròng trở lại với giá trị hơn 220 tỷ đồng trên sàn HOSE, tập trung chính ở các mã: FUESSVFL (124 tỷ), HPG (30 tỷ), BID (30 tỷ) và FUEVFNVD (20 tỷ).

Sau 4 phiên tăng điểm liên tiếp, điểm số kỹ thuật của VN-Index vẫn duy trì ở mức +5 điểm (KHẢ QUAN). Hệ số P/E của VN-Index đang ở mức 11,2 lần.

Đình Minh Trí Analyst, 84-8-39102222, tri.dm@miraeasset.com.vn

#### Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Mã	Điểm kỹ thuật	Xu hướng ngắn hạn
VNINDEX	5	KHẢ QUAN
VN30	5	KHẢ QUAN
VN30F1M	5	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	6	KHẢ QUAN
Shanghai Composite	7	KHẢ QUAN
Kospi	7	KHẢ QUAN
Nikkei 225	-5	TIÊU CỰC
FTSE 100 (EU)	7	KHẢ QUAN
Dow Jones	7	KHẢ QUAN

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## Bản tin thị trường **Phân tích kỹ thuật**

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	5	<b>KHẢ QUAN</b>
VN30	5	<b>KHẢ QUAN</b>
VN30F1M	5	<b>KHẢ QUAN</b>
VN DIAMOND	3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	6	<b>KHẢ QUAN</b>

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIẾU CỤC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (16/01/2023)	1.067	Kháng cự 1 <b>1.070</b>
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Đi ngang	Kháng cự 2 <b>1.100</b>
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Tăng	Hỗ trợ 1 <b>1.050</b>
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 <b>1.030</b>

VN-Index đã nối dài chuỗi phiên đi ngang vùng 1.050 - 1.070 trong nhiều phiên liên tiếp. Kháng cự gần nhất của chỉ số hiện quanh 1.070 - 1.080, ngược lại mất mốc 1.050 xu hướng điều chỉnh có thể sẽ xuất hiện.

### Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

## CẬP NHẬT PHẢI SINH

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (16/01/2023)	1.075	Kháng cự 1 <b>1.100</b>
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	<b>KHẢ QUAN</b>	Kháng cự 2 <b>1.130</b>
VN30 - đóng cửa	1.075	Hỗ trợ 1 <b>1.000</b>
Chênh lệch <b>VN30F1M &amp; VN30</b>	<b>-0,51</b>	Hỗ trợ 2 <b>980</b>

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	5	<b>KHẢ QUAN</b>
VN30F1M (chart 60 phút)	5	<b>KHẢ QUAN</b>
VN30F1M	5	<b>KHẢ QUAN</b>

VN30F1M kết phiên tăng nhẹ đạt 1.075 (+0,57%). Điểm số đánh giá kỹ thuật ngắn hạn theo thang điểm của chúng tôi hiện đạt +5 (Khả quan)

### Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: fireant.vn

## TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
ACB	Ngân hàng	25,000	2,386,825	99	5	
VIB	Ngân hàng	22,300	3,311,355	97	5	
LCG	Xây dựng	9,200	5,799,210	97	5	
BID	Ngân hàng	44,700	1,829,670	88	7	
PLC	Nhựa đường	27,100	410,410	96	7	Top sức mạnh ngành

(\*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(\*\*) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

## ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
STB	25.5	17,025,864	7	KHẢ QUAN	48,073	11.6	1.3	434
SSI	19.4	14,883,430	7	KHẢ QUAN	28,889	8.6	1.3	289
HCM	23.45	4,887,015	7	KHẢ QUAN	10,722	11.2	1.3	115
CTG	30	3,558,100	7	KHẢ QUAN	144,173	9.3	1.4	107
BID	44.7	1,829,670	7	KHẢ QUAN	226,116	14.0	2.3	82
CTS	14.5	1,259,850	7	KHẢ QUAN	2,156	7.8	0.9	18
SHB	10.7	15,777,915	6	KHẢ QUAN	32,816	4.0	0.8	169
LPB	14.65	11,614,820	6	KHẢ QUAN	25,331	4.9	1.1	170
VCB	87.3	1,190,530	6	KHẢ QUAN	413,149	15.6	3.2	104
HPG	20.25	24,302,370	5	KHẢ QUAN	117,749	7.6	1.2	492
VND	15	22,045,200	5	KHẢ QUAN	18,267	8.2	1.3	331
HSG	13.7	13,540,130	5	KHẢ QUAN	8,193	31.2	0.8	185
NKG	14.5	10,450,870	5	KHẢ QUAN	3,818	5.1	0.7	152
MBB	18.5	7,788,255	5	KHẢ QUAN	83,879	4.8	1.2	144
LCG	9.2	5,799,210	5	KHẢ QUAN	1,745	9.4	0.7	53
TCB	28.1	4,227,790	5	KHẢ QUAN	98,834	4.7	0.9	119
HHV	11.7	3,885,410	5	KHẢ QUAN	3,601	11.4	0.5	45
VIB	22.3	3,311,355	5	KHẢ QUAN	47,001	5.6	1.5	74
FCN	11.1	2,996,555	5	KHẢ QUAN	1,748	136.2	0.7	33
DRH	5.7	2,873,835	5	KHẢ QUAN	705	27.5	0.4	16
IDC	37.7	2,420,055	5	KHẢ QUAN	12,441	6.1	2.4	91
ACB	25	2,386,825	5	KHẢ QUAN	84,436	6.4	1.5	60
HDB	16.9	2,000,480	5	KHẢ QUAN	42,508	5.6	1.2	34
IJC	13.9	1,992,975	5	KHẢ QUAN	3,018	5.8	0.8	28
GVR	15.2	1,876,535	5	KHẢ QUAN	60,800	14.3	1.2	29

SZC	29.2	1,222,475	5	KHẢ QUAN	2,920	15.7	2.0	36
VPB	19.4	22,644,316	4	KHẢ QUAN	130,236	7.1	1.4	439
GEX	13.6	15,706,630	4	KHẢ QUAN	11,580	23.3	0.9	214
VIX	7.25	11,396,990	4	KHẢ QUAN	4,221	5.4	0.5	83
POW	11.85	7,801,285	4	KHẢ QUAN	27,751	23.8	0.9	92
PVD	20	5,134,325	4	KHẢ QUAN	11,118	#N/A N/A	0.8	103
PVS	23.3	4,499,280	4	KHẢ QUAN	11,137	22.3	0.9	105
KLF	0.9	3,773,355	4	KHẢ QUAN	149	#N/A N/A	0.1	3
ASM	8.72	2,913,075	4	KHẢ QUAN	2,935	4.1	0.5	25
PVC	14.8	1,755,065	4	KHẢ QUAN	740	264.6	1.0	26
HUT	14.8	1,410,545	4	KHẢ QUAN	5,160	14.6	1.3	21
FTS	19.7	1,355,975	4	KHẢ QUAN	3,843	9.3	1.2	27
ANV	29.4	1,327,450	4	KHẢ QUAN	3,738	6.0	1.3	39
HVG	1.7	1,295,370	4	KHẢ QUAN	386	#N/A N/A	0.5	2
VCI	28.15	5,595,960	3	TRUNG TÍNH	12,259	9.3	1.9	158
BCG	6.95	3,270,165	3	TRUNG TÍNH	3,708	5.1	0.5	23
PC1	24.5	2,230,750	3	TRUNG TÍNH	6,626	16.3	1.3	55
MBS	14.3	2,201,415	3	TRUNG TÍNH	5,590	8.3	1.3	31
KSB	23.9	2,065,345	3	TRUNG TÍNH	1,823	9.7	0.9	49
NVL	13.65	18,557,840	2	TRUNG TÍNH	26,619	9.3	0.7	253
SHS	9.1	16,214,635	2	TRUNG TÍNH	7,400	10.0	0.8	148
VCG	20.1	8,664,775	2	TRUNG TÍNH	9,766	7.2	1.4	174
BSR	14.7	7,384,395	2	TRUNG TÍNH	45,887	7.0	1.2	109
IDI	12.75	5,041,820	2	TRUNG TÍNH	2,902	4.8	0.9	64
CII	13.9	3,324,760	2	TRUNG TÍNH	3,506	9.5	0.6	46
AAA	7.16	1,631,310	2	TRUNG TÍNH	2,737	7.6	0.5	12
VHM	51.3	1,619,330	2	TRUNG TÍNH	223,379	7.1	1.6	83
NRC	4.5	1,615,255	2	TRUNG TÍNH	417	#N/A N/A	0.3	7
VNM	79.4	1,533,120	2	TRUNG TÍNH	165,942	21.0	5.3	122
SBS	5.3	1,445,610	2	TRUNG TÍNH	777	88.7	3.1	8
DCS	0.8	1,374,070	2	TRUNG TÍNH	48	200.0	0.1	1
TNG	14.4	1,167,075	2	TRUNG TÍNH	1,514	4.9	1.0	17
HPX	4.8	10,814,400	0	TRUNG TÍNH	1,460	6.7	0.4	52
PDR	13.7	10,287,335	0	TRUNG TÍNH	9,202	4.2	1.1	141
CEO	19.4	8,300,820	0	TRUNG TÍNH	4,992	16.0	1.6	161
DBC	15.5	3,837,160	0	TRUNG TÍNH	3,751	11.0	0.8	59
TCH	7	3,451,920	0	TRUNG TÍNH	4,678	24.0	0.5	24
PVX	2.4	3,342,170	0	TRUNG TÍNH	960	13.3	3.4	8
HNG	4.31	3,099,050	0	TRUNG TÍNH	4,778	#N/A N/A	2.2	13
IBC	3.4	2,549,570	0	TRUNG TÍNH	283	2.6	0.3	9
HVN	14.25	2,222,380	0	TRUNG TÍNH	31,555	#N/A N/A	#N/A N/A	32
VRE	28.5	2,038,480	0	TRUNG TÍNH	64,761	31.4	2.0	58
VIC	54.8	1,908,905	0	TRUNG TÍNH	209,004	189.1	1.8	105
DGC	56.4	1,761,690	0	TRUNG TÍNH	21,420	3.8	2.0	99
PAN	16.2	1,511,050	0	TRUNG TÍNH	3,384	8.3	0.8	24
HAH	33.3	1,430,350	0	TRUNG TÍNH	2,342	3.1	1.0	48
APS	9.4	1,384,930	0	TRUNG TÍNH	780	5.2	0.7	13
DIG	14.9	10,117,005	-2	TRUNG TÍNH	9,087	8.8	1.2	151

FLC	3.57	8,630,840	-2	TRUNG TÍNH	#VALUE!	#N/A N/A	#N/A N/A	31
KBC	24.8	4,895,470	-2	TRUNG TÍNH	19,037	8.5	1.2	121
TPB	22.05	4,327,610	-2	TRUNG TÍNH	34,799	5.7	1.1	95
LDG	4.06	2,443,365	-2	TRUNG TÍNH	1,040	7.2	0.3	10
IDJ	8.1	1,785,745	-2	TRUNG TÍNH	1,405	6.5	0.7	14
HDG	31.4	1,149,005	-2	TRUNG TÍNH	7,681	5.4	1.5	36
HAG	8.95	16,957,004	-3	TRUNG TÍNH	8,300	7.9	1.8	152
ITA	4.03	2,966,700	-3	TRUNG TÍNH	3,781	15.6	0.3	12
VHG	2.2	1,616,045	-3	TRUNG TÍNH	345	#N/A N/A	2.1	4
EIB	26.75	3,226,585	-4	TIÊU CỰC	32,887	12.0	1.6	86
SCR	5.53	3,100,650	-4	TIÊU CỰC	2,188	15.1	0.4	17
HAI	1.58	2,614,585	-4	TIÊU CỰC	#VALUE!	#N/A N/A	#N/A N/A	4
GEG	14.95	1,639,690	-4	TIÊU CỰC	4,813	12.8	1.3	25
KDH	26.35	1,575,040	-4	TIÊU CỰC	18,888	14.8	1.7	42
SBT	13.5	2,802,315	-5	TIÊU CỰC	9,088	11.2	1.0	38
PVT	19.85	2,287,040	-5	TIÊU CỰC	6,424	7.9	1.1	45
APG	5.7	2,009,675	-5	TIÊU CỰC	834	3.8	0.5	11
NLG	25.6	1,361,805	-5	TIÊU CỰC	9,832	25.2	1.1	35
DXG	12.85	8,083,045	-6	TIÊU CỰC	7,839	9.2	0.8	104
HBC	8.7	2,860,120	-6	TIÊU CỰC	2,385	24.4	0.6	25
DPM	41	1,517,070	-6	TIÊU CỰC	16,045	2.6	1.3	62
HQC	2.56	5,221,960	-7	TIÊU CỰC	1,220	71.7	0.3	13
VPG	12.6	2,013,095	-7	TIÊU CỰC	1,010	4.1	0.7	25
DCM	25.6	1,891,845	-7	TIÊU CỰC	13,553	3.3	1.4	48
MWG	41.9	1,847,175	-7	TIÊU CỰC	61,315	12.0	2.6	77
VOS	10.15	1,332,365	-7	TIÊU CỰC	1,421	2.6	1.0	14
ART	1.3	1,299,210	-7	TIÊU CỰC	#VALUE!	#N/A N/A	#N/A N/A	2

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## Thông tin cập nhật

### Bộ Tài chính đề xuất tiếp tục giảm 30% tiền thuê đất năm 2023

Theo Bộ Tài chính, hiện nay, các ngành như bất động sản, khai khoáng, nông nghiệp... đang gặp nhiều khó khăn; đồng thời cũng chịu ảnh hưởng nặng nề bởi cuộc xung đột Nga - Ukraine, tín dụng bị thắt chặt, cầu thị trường giảm, chi phí tiếp cận tài chính tăng. Đây là những ngành, lĩnh vực doanh nghiệp có sử dụng đất để thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh. Do đó, để có thêm nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp, người dân ứng phó với khó khăn, thách thức trong thời gian tới, Bộ Tài chính trình Thủ tướng quyết định cho phép gia hạn chính sách giảm tiền thuê đất, mặt nước như mức áp dụng năm 2022.

Theo đó, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp sẽ được giảm 30% tiền thuê đất, mặt nước phải nộp năm nay. Mức giảm tiền thuê đất, mặt nước được tính trên số tiền thuê đất, mặt nước của năm 2023. Trường hợp người thuê đang được giảm hoặc khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định, mức giảm 30% này được tính trên số tiền thuê đất, mặt nước phải nộp sau khi đã giảm hoặc khấu trừ.

Năm 2022, Bộ Tài chính đã trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định cho phép giảm 30% tiền thuê đất phải nộp đối với các doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất hàng năm bị ảnh hưởng của dịch Covid-19. Số tiền thuê đất đã được giảm xấp xỉ 3.500 tỷ đồng.

*Nguồn: cafef.vn*

### Năm 2023: Tăng trưởng kinh tế có thể đạt mức 6,83%

Thông tin tại Hội thảo công bố báo cáo kinh tế Việt Nam năm 2022 và triển vọng năm 2023 vừa được tổ chức do CIEM và Tổ chức Hợp tác phát triển Đức (GIZ). Theo đó, Báo cáo triển vọng kinh tế năm 2023 của CIEM đưa ra 2 kịch bản cập nhật dự báo kinh tế Việt Nam 2023: Kịch bản 1, tăng trưởng kinh tế năm 2023 có thể đạt mức 6,47%. Xuất khẩu tăng 7,21% và thặng dư thương mại đạt 5,64 tỷ USD; lạm phát sẽ ở mức 4,08%; Kịch bản 2, CIEM dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2023 sẽ tích cực hơn lên mức 6,83%. Xuất khẩu tăng 8,43% và thặng dư thương mại đạt 8,15 tỷ USD. Tuy nhiên, lạm phát sẽ được kiểm soát ở mức 3,69%.

Đồng tình với 2 kịch bản mà CIEM đưa ra nhưng TS Lê Duy Bình - Giám đốc Economica Việt Nam phân tích, kinh tế Việt Nam sẽ phải đối mặt với những "cơn gió ngược" trong bối cảnh kinh tế quốc tế bất định, khôn lường, tiềm ẩn những rủi ro, thách thức... Do đó, mức tăng trưởng được đưa ra là khá cao so với điều kiện hiện nay của nền kinh tế. Bởi vậy, báo cáo cần nhấn mạnh thêm về nội lực của nền kinh tế để đạt mục tiêu đó và đồng thời hạn chế được những rủi ro, thách thức. Nhất là về đầu tư công, thị trường bán lẻ.

Trước đó, các tổ chức quốc tế lần lượt dự báo về tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm nay. Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam sẽ đạt 6,2%. Ngân hàng Thế giới (WB) dự báo là 6,3%. Ngân hàng Standard Chartered (Anh) dự báo GDP Việt Nam tăng 7,2%. Ngân hàng HSBC (Anh) dự báo kinh tế Việt Nam tăng trưởng 5,8%.

*Nguồn: cafef.vn*

### FMC: báo lãi sau thuế quý 4/2022 giảm 26%

CTCP Thực phẩm Sao Ta (mã chứng khoán: FMC) công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý 4/2022 với doanh thu sụt giảm 16% so với cùng kỳ, đạt 1.211 tỷ đồng. Chi phí vốn giảm chậm hơn mức tăng doanh thu, nên lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ chỉ đạt 155 tỷ, giảm 23% so với quý 4/2021. Trong quý doanh thu tài chính tăng mạnh 117%

so với cùng kỳ, lên 36 tỷ đồng, chủ yếu từ nguồn thu lãi tiền gửi và lãi chênh lệch tỷ giá. Chi phí tài chính cũng gấp 5 lần so với cùng kỳ, lên trên 38 tỷ đồng (chi phí tài chính của công ty chủ yếu là chi trả lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá). Ngược lại, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp lần lượt giảm 53% và 17% so với cùng kỳ. Kết quả, lãi sau thuế thu về trong quý 4 đạt gần 81 tỷ đồng, giảm 26% so với cùng kỳ, trong đó lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ đạt hơn 78 tỷ đồng.

Lũy kế cả năm 2022, doanh thu thuần đạt 5.702 tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ. Khấu trừ chi phí, Thực phẩm Sao Ta vẫn lãi sau thuế xấp xỉ 320 tỷ đồng trong năm 2022, tăng 11% so với lợi nhuận sau thuế đạt được trong năm ngoái, trong đó lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ đạt gần 308 tỷ đồng. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) tăng 16% lên 4.703 đồng/cp.

*Nguồn: cafef.vn*

### **LDG: điều chỉnh phương án sử dụng vốn, quyết "rót" hơn 1.000 tỷ vào dự án LDG Grand Đà Nẵng**

Công ty cổ phần đầu tư LDG (mã CK: LDG) vừa công bố nghị quyết hội đồng quản trị thông qua thay đổi phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2022. Trước đó vào giữa tháng 10/2022, Hội đồng quản trị LDG đã thông qua phương án chào bán 120 triệu cổ phiếu riêng lẻ với thị giá 10.000 đồng/đơn vị. Nếu chào bán thành công, LDG dự thu về 1.200 tỷ đồng.

Theo nghị quyết mới, LDG muốn thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Cụ thể, LDG giữ nguyên kế hoạch dùng 150 tỷ đồng để đầu tư dự án Khu chung cư Lô C1 - Khu đô thị mới Bình Nguyên (LDG Sky) nhưng điều chỉnh thời gian giải ngân từ quý IV/2022 - quý I/2023 thành quý I-IV/2023, sau khi Công ty hoàn tất đợt chào bán. Về dự án Khu Du lịch biển Bãi Bụt Sơn Trà (LDG Grand Đà Nẵng), LDG điều chỉnh tăng số tiền góp vốn đầu tư từ 850 tỷ đồng lên 1.050 tỷ đồng. Thời gian giải ngân dự kiến cũng điều chỉnh từ quý IV/2022- quý II/2023 thành quý I- IV/2023.

*Nguồn: cafef.vn*

### **TCD: thay đổi mục đích sử dụng vốn, dùng 380 tỷ đồng để bổ sung vốn kinh doanh lưu động**

Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải (Tracodi, mã CK: TCD) vừa thông qua điều chỉnh phương án sử dụng hơn 872 tỷ đồng thu được từ đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2021.

Sau điều chỉnh, Công ty sẽ dùng 280 tỷ đồng để thanh toán các khoản phải trả liên quan đến việc thi công dự án King Crown Infinity (giảm gần 1/2 so với 530 tỷ đồng kế hoạch cũ); 205 tỷ đồng để thi công dự án Hội An D'or (giảm hơn so với hơn 342 tỷ đồng kế hoạch cũ). Thời điểm giải ngân điều chỉnh thành đến quý III/2023 trong khi kế hoạch cũ là quý IV/2021 và năm 2022).

Còn lại gần 387 tỷ đồng, TCD dự kiến dùng bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không giới hạn các khoản trả nợ vay, nợ nhà thầu, vốn lưu động... Thời gian giải ngân dự kiến đến quý III/2023.

*Nguồn: cafef.vn*

### **BFC: giảm hơn 80% lợi nhuận trước thuế trong quý 4/2022, đặt kế hoạch đi lùi tiếp 80% trong quý 1/2023**

Năm 2022, Phân bón Bình Điền ước tính đạt 8.693,2 tỷ đồng tổng doanh thu, tăng 10,2% so với cùng kỳ năm trước và lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 236,3 tỷ đồng, giảm 36,4%. Theo đó, công ty đạt 1.901,3 tỷ đồng tổng doanh thu trong quý 4, giảm 0,3% so



với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 24,8 tỷ đồng, giảm 82,4% tương đương giảm 116,27 tỷ đồng.

HĐQT của Phân bón Bình Điền đặt kế hoạch kinh doanh năm 2023 để trình cổ đông thông qua với doanh thu 7.476,5 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 220 tỷ đồng, lần lượt giảm 14% và 6,9% so với ước tính thực hiện trong năm 2022. Riêng trong quý I/2023, Công ty đặt kế hoạch doanh thu 1.354,5 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế dự kiến 20,4 tỷ đồng, giảm 80,9% so với cùng kỳ năm trước.

*Nguồn: cafef.vn*

#### **DRC: Quý 4 tăng trưởng âm, doanh nghiệp vẫn vượt 21% kế hoạch lợi nhuận năm**

Theo ước tính kết quả kinh doanh quý 4/2022, CTCP Cao su Đà Nẵng (HOSE: DRC) ghi nhận doanh thu và lợi nhuận đều tăng trưởng âm. Nhưng cả năm 2022, Công ty vẫn vượt kế hoạch đề ra ở cả 2 chỉ tiêu. Quý 4, DRC công bố doanh thu thuần ước đạt 1,114 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 104 tỷ đồng, đều giảm 5% so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế cả năm 2022, DRC ước doanh thu thuần đạt 4,898 tỷ đồng (tăng 12%) và lợi nhuận trước thuế đạt 386 tỷ đồng, tăng 6% so với năm trước.

Quý 1/2023, DRC đặt mục tiêu doanh thu thuần 1,100 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 70 tỷ đồng, cùng “đi lùi” hơn 14% so với thực hiện trong quý 1/2022.

*Nguồn: Vietstock.vn*

#### **NTC: thực hiện 97% kế hoạch 2022 dù lợi nhuận đi lùi 13%**

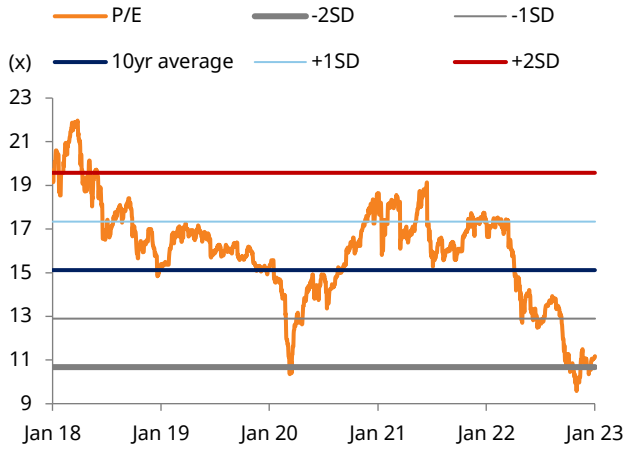
Cụ thể, doanh thu thuần năm 2022 của NTC hơn 268 tỷ đồng, gần như đi ngang so với mức 271 tỷ đồng năm 2021. Tuy nhiên, doanh thu từ hoạt động tài chính lại giảm mạnh 24%, còn gần 156 tỷ đồng. Theo NTC, nguyên nhân khiến doanh thu tài chính giảm do cổ tức nhận được từ các công ty đầu tư bên ngoài thấp hơn năm trước.

Về chi phí, các chi phí vận hành như chi phí bán hàng và quản lý được tiết giảm đáng kể, lần lượt giảm 11% và 29%. Tuy nhiên, chi phí tài chính tăng đến 90%, chủ yếu do chi phí lãi vay gấp gần 4 lần năm trước. Hệ quả, NTC ghi nhận lãi sau thuế năm 2022 giảm 13% so với năm trước, còn hơn 256 tỷ đồng. Với kết quả này, NTC lần lượt thực hiện được 65% mục tiêu doanh thu và 97% mục tiêu lãi sau thuế theo kế hoạch đề ra hồi đầu năm.

*Nguồn: Vietstock.vn*

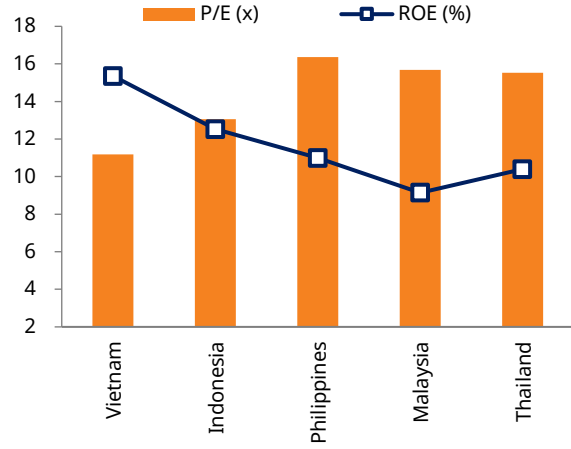
# Bản tin thị trường **Chỉ báo tham khảo**

**Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index**



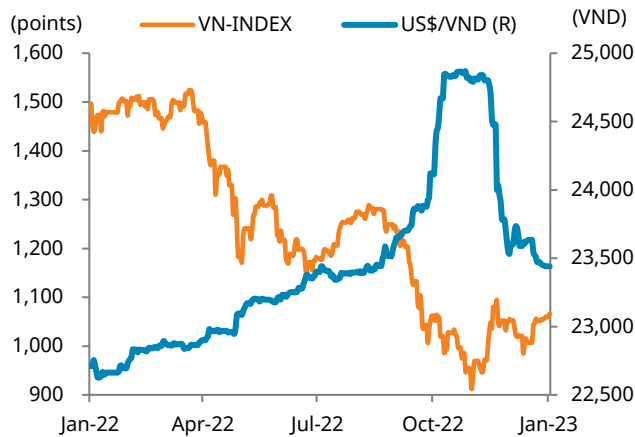
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường**



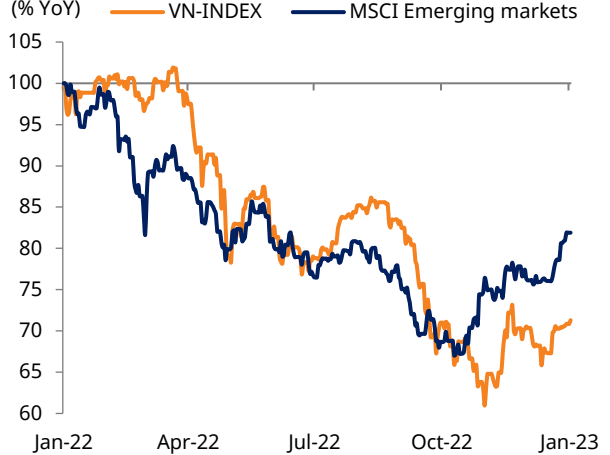
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND**



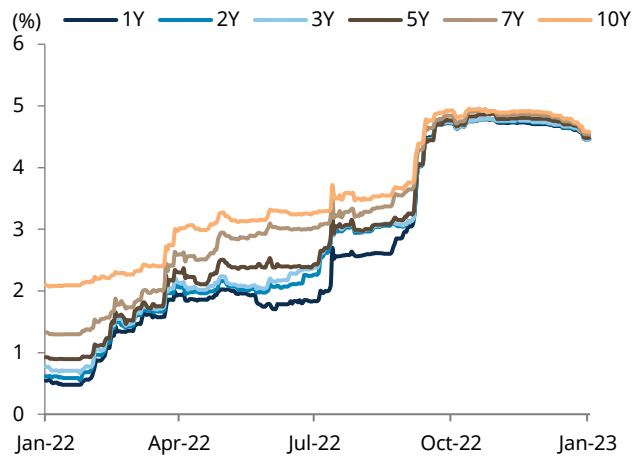
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets**



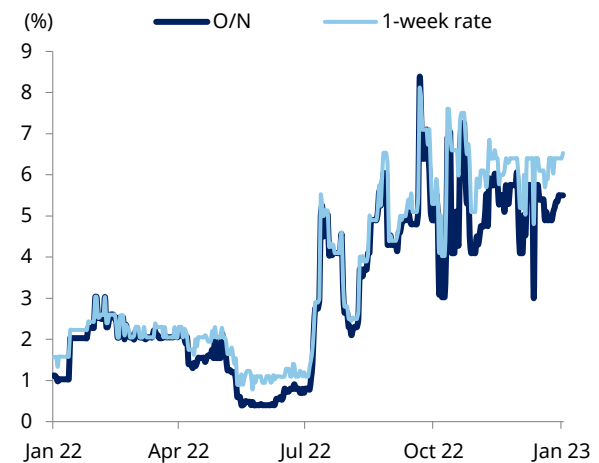
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

## Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*		
					1D	1W	1M	1Y	FY22	FY23	FY22	FY23	FY22	FY23	FY22	FY23	
<b>VN-Index</b>	<b>VN-Index</b>	<b>1,066.68</b>	<b>4,228,822</b>		<b>0.6</b>	<b>1.2</b>	<b>1.3</b>	<b>-28.7</b>	<b>10.5</b>	<b>10.2</b>	<b>1.6</b>	<b>1.6</b>	<b>11.3</b>	<b>8.7</b>	<b>15.4</b>	<b>16.9</b>	
<b>VN30 Index</b>	<b>VN30</b>	<b>1,075.71</b>	<b>3,022,880</b>		<b>0.5</b>	<b>1.4</b>	<b>1.1</b>	<b>-29.4</b>	<b>8.6</b>	<b>8.7</b>	<b>1.6</b>	<b>1.3</b>	<b>9.6</b>	<b>6.6</b>	<b>18.6</b>	<b>17.1</b>	
Asia Commercial Bank	ACB VN	25,000	84,436	30.0	3.5	8.2	8.7	-5.4	7.8	5.9	1.6	1.2	45.9	3.0	26.0	22.2	
BIDV	BID VN	44,700	226,116	17.1	6.9	9.0	14.9	1.0	22.3	11.1	2.3	1.8	81.1	28.8	18.1	18.8	
Bao Viet Holdings	BVH VN	48,150	35,743	27.0	-1.5	0.5	-2.9	-11.2	18.2	18.3	1.6	1.6	-12.3	17.7	7.8	9.0	
VietinBank	CTG VN	30,000	144,173	28.0	3.1	3.1	7.0	-15.4	9.3	7.0	1.4	1.2	21.8	20.2	16.5	17.9	
FPT Corp	FPT VN	80,800	88,640	49.0	1.0	0.6	3.7	6.2	21.2	14.1	4.7	3.5	34.7	17.5	27.5	28.4	
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	103,000	197,137	2.9	-1.4	-1.4	-3.2	-2.4	23.3	13.8	3.8	3.0	75.8	-2.5	25.3	22.1	
Vietnam Rubber Group	GVR VN	15,200	60,800	0.5	4.5	5.6	-3.8	-57.4	13.3	14.0	1.2	#N/A	-5.4	10.6	8.1	8.6	
HDBank	HDB VN	16,900	42,508	18.1	1.5	0.9	-2.3	-31.0	6.6	4.9	1.4	0.9	32.7	7.5	23.2	20.9	
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	20,250	117,749	22.3	1.5	3.3	-0.7	-43.1	3.3	10.6	1.2	1.1	-70.4	16.5	10.6	12.0	
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	26,350	18,888	37.7	0.6	-5.7	-4.2	-45.8	16.3	13.9	1.8	1.5	3.2	13.1	11.1	11.4	
MBBank	MBB VN	18,500	83,879	23.2	1.4	1.4	-1.6	-25.1	6.1	4.2	1.3	0.8	41.9	10.7	25.2	22.8	
Masan Group Corp	MSN VN	94,900	135,111	30.6	-0.1	-1.7	1.5	-21.4	15.4	27.0	4.0	3.4	-55.9	31.7	10.1	13.3	
Mobile World Investment Corp	MWG VN	41,900	61,315	49.0	-0.4	-0.2	-12.4	-37.5	12.4	11.3	3.0	2.1	-10.0	19.9	20.1	19.9	
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	13,650	26,619	5.9	-4.5	-1.4	-25.0	-83.4	7.7	3.1	0.8	0.3	68.6	41.9	10.8	13.1	
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	13,700	9,202	3.6	-2.1	-3.9	-5.5	-79.7	5.1	#N/A	1.3	#N/A	#N/A	N/A	#N/A	#N/A	
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	36,800	46,758	18.2	-0.7	3.7	18.7	-33.1	17.7	16.7	1.6	1.9	-73.4	363.6	4.9	10.5	
Vietnam International Commercial JSC	VIB VN	22,300	47,001	20.5	1.1	5.4	7.2	-34.4	6.3	5.1	1.6	1.1	28.0	13.0	28.8	25.0	
PetroVietnam Power Corp	POW VN	11,850	27,751	5.3	0.0	2.2	3.5	-33.1	14.1	12.5	0.9	0.9	-17.4	51.2	5.4	7.0	
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	188,500	120,882	62.7	1.4	5.0	6.4	24.1	30.3	20.8	5.0	4.4	48.8	10.9	23.5	22.8	
SSI Securities Corp	SSI VN	19,400	28,889	41.5	1.0	2.1	-5.4	-57.6	7.3	16.5	1.3	#N/A	-44.0	-13.8	9.8	8.1	
Sacombank	STB VN	25,500	48,073	27.4	0.8	3.4	11.8	-27.1	13.8	#N/A	1.2	1.1	#N/A	N/A	13.5	16.6	
Techcombank	TCB VN	28,100	98,834	22.5	1.1	1.3	-3.6	-43.5	5.0	4.3	1.0	0.7	17.1	7.9	20.8	17.8	
Tien Phong Bank	TPB VN	22,000	34,799	30.0	-1.8	-2.2	-4.3	-47.5	6.5	5.7	1.3	0.9	9.4	8.4	20.3	18.3	
Vietcombank	VCB VN	87,300	413,149	23.6	1.7	0.5	9.5	4.7	19.1	13.7	3.5	2.5	33.1	14.3	20.6	18.7	
Vinhomes JSC	VHM VN	51,300	223,379	24.4	-1.3	2.2	4.1	-37.6	5.3	6.2	1.7	1.2	-22.3	18.3	22.3	21.4	
Vingroup JSC	VIC VN	54,800	209,004	12.9	-0.4	-0.4	-6.2	-44.6	#N/A	N/A	34.4	2.0	1.9	387.7	-19.2	7.0	5.3
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	107,300	58,115	17.0	-0.4	-1.7	-5.0	-12.0	787.8	23.9	3.5	#N/A	694.2	307.2	3.5	13.0	
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	79,400	165,942	55.9	-1.5	-1.6	1.8	-6.3	16.8	17.1	4.8	4.8	-10.0	14.4	26.5	29.6	
VPBank	VPB VN	19,400	130,236	17.7	0.0	2.9	4.9	-16.5	10.1	8.2	1.5	1.1	52.9	-12.3	20.4	16.1	
Vincom Retail JSC	VRE VN	28,500	64,761	33.2	-0.3	-3.1	8.8	-17.2	45.5	18.7	2.0	1.9	90.2	38.7	7.8	10.6	

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

## **KHUYẾN CÁO**

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vì phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.